

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

• TS. Nguyễn Văn Bốn*

Tóm tắt: Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã có một quá trình hình thành và phát triển lâu dài từ những nguyên tắc hiến định cho tới một chế định pháp luật điều chỉnh toàn diện các quan hệ phát sinh trong thực hiện hoạt động bồi thường nhà nước. Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu và đắc lực để cá nhân, tổ chức sử dụng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời, cũng là cơ sở pháp lý để các cơ quan có trách nhiệm thực hiện việc giải quyết bồi thường kịp thời, đúng pháp luật.

Từ khóa: Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; xây dựng pháp luật; hoàn thiện pháp luật.

Abstract: The law on the State's compensation liability has had a long process of formation and development from constitutional principles to a legal institution that comprehensively regulates relationships arising in the implementation of state compensation activities. To date, the Law on Compensation Liability of the State has become an effective and productive legal tool for individuals and organizations to use to protect their legitimate rights and interests. It is also a legal basis for responsible agencies to promptly and legally settle compensation.

Keywords: Law of Compensation liability of the State; law making; perfecting the law.

Ngày nhận: 18/8/2021 Ngày phản biện, đánh giá: 25/8/2021 Ngày duyệt: 15/9/2021

Quyền con người, quyền công dân là mục tiêu, lý tưởng đấu tranh xuyên suốt lịch sử Cách mạng Việt Nam. Ngay từ những năm đầu thành lập nước, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của đất nước

với những tư tưởng về dân chủ và pháp quyền vẫn còn giữ nguyên giá trị, để đến bản Hiến pháp năm 1959 đã lần đầu tiên ghi nhận quyền được Nhà nước bồi thường và được tiếp tục phát triển qua các bản Hiến pháp năm 1980, 1992 và 2013. Từ nền tảng là Hiến pháp, có

(*) Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp. Email: bonnv@moj.gov.vn.

thể nói rằng, pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã có một quá trình phát triển lâu dài và những dấu ấn đậm nét. Trong bài viết này, tác giả giới thiệu và phân tích khái lược quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ở Việt Nam, tập trung vào giai đoạn kể từ khi có Hiến pháp năm 1992 và Bộ luật Dân sự năm 1995 đến nay.

1. Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự (Điều 72) và quyền được bồi thường nói chung (Điều 74), Bộ luật Dân sự năm 1995 - *Bộ luật Dân sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* - đã cụ thể hóa thành các quyền dân sự về *bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước gây ra* (Điều 623) và *bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra* (Điều 624).

Tuy nhiên, do mới chỉ được ghi nhận trong một vài quy phạm pháp luật nên quyền được Nhà nước bồi thường vẫn gần như không đi vào cuộc sống khiến cho nhu cầu được bảo đảm quyền này ngày càng trở nên cấp bách. Trước thực trạng này, đầu năm 2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, trong đó, yêu cầu phải “*khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với những*

trường hợp oan, sai trong hoạt động tố tụng”. Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Chính trị, một năm sau, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra đã được ban hành - *Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003*. Nghị quyết này dù mới chỉ phần nào đáp ứng được nhu cầu về bảo đảm quyền được Nhà nước bồi thường nhưng đã thiết lập nền tảng pháp lý quan trọng khởi đầu cho những tiến trình tiếp theo của việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ở Việt Nam.

2. Những đòi hỏi của cải cách hành chính, cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền cơ bản của công dân, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước trước công dân, trong đó có quyền được Nhà nước bồi thường với định hướng không chỉ trong tố tụng hình sự mà cần mở rộng sang các lĩnh vực khác. Tháng 5 năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành *Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, trong đó yêu cầu “*khẩn trương ban hành Luật về bồi thường nhà nước*”. Cụ thể hóa Nghị quyết của Bộ Chính trị, Bộ Tư pháp đã tích cực tham

mu, giúp Chính phủ tiến hành tổng kết toàn diện thực tiễn thi hành các quy định về quyền được Nhà nước bồi thường, nghiên cứu pháp luật và kinh nghiệm nước ngoài để từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng Dự án Luật Bồi thường nhà nước.

Một dấu ấn quan trọng, ngày 18/6/2009, tại kỳ họp thứ V Quốc hội khóa XII, với đa số phiếu tán thành, Quốc hội đã thông qua Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN). Đây là lần đầu tiên quyền được Nhà nước bồi thường được điều chỉnh bằng một luật riêng, thể hiện rõ bản chất dân chủ của Nhà nước, trách nhiệm của Nhà nước trước công dân. Luật này đã nhất thể hoá pháp luật về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra và quy định cụ thể nhiều nội dung quan trọng. Luật TNBTCNN năm 2009 gồm có 8 chương và 67 điều, quy định TNBTCNN đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án; thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; kinh phí bồi thường và trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại. Cụ thể:

Thứ nhất, về căn cứ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường.

Về nguyên tắc, Luật TNBTCNN năm 2009 quy định người bị thiệt hại chỉ có quyền yêu cầu bồi thường sau khi có văn bản xác định hành vi của

người thi hành công vụ là trái pháp luật hoặc có văn bản xác định thuộc trường hợp được bồi thường trong hoạt động tổ tụng hình sự. Chỉ riêng trong hoạt động quản lý hành chính, Luật TNBTCNN năm 2009 quy định người bị thiệt hại có thể kết hợp yêu cầu bồi thường trong quá trình khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính.

Thứ hai, về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Luật TNBTCNN năm 2009 quy định giới hạn phạm vi TNBTCNN, theo đó, Nhà nước chỉ bồi thường các thiệt hại do hành vi thi hành công vụ gây ra trên các lĩnh vực: quản lý hành chính, tổ tụng (bao gồm tổ tụng hình sự, tổ tụng dân sự và tổ tụng hành chính) và thi hành án (bao gồm thi hành án hình sự và thi hành án dân sự). Trong từng lĩnh vực cụ thể nêu trên, Luật còn quy định mang tính liệt kê từng trường hợp mà Nhà nước có trách nhiệm bồi thường.

Thứ ba, về cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

Về nguyên tắc, Luật TNBTCNN năm 2009 quy định cơ quan có trách nhiệm bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại. Tuy nhiên, trong một số trường hợp không xác định được cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo nguyên tắc trên, thì việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Thứ tư, về thủ tục giải quyết bồi thường.

Luật TNBTCNN năm 2009 quy định thủ tục giải quyết bồi thường bao gồm: (i) thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường; (ii) thủ tục giải quyết bồi thường tại Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự; (iii) giải quyết bồi thường trong quá trình giải quyết khiếu nại và (iv) giải quyết bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án.

Thứ năm, về thiệt hại được bồi thường.

Luật TNBTCNN năm 2009 quy định các loại thiệt hại được bồi thường bao gồm: (i) thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; (ii) thiệt hại do thu thập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; (iii) thiệt hại do tổn thất về tinh thần; (iv) thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết; (v) thiệt hại về vật chất do bị tổn hại về sức khỏe; (vi) quy định về trả lại tài sản trong trường hợp tài sản bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu; (vii) khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự.

Thứ sáu, về kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả.

Khác với 4 cấp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Luật TNBTCNN năm 2009 quy định nguồn kinh phí bồi thường chỉ ở 02 cấp là cấp Trung ương và cấp tỉnh; trách nhiệm lập dự toán và quyết toán kinh phí bồi thường thuộc về cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; thủ tục cấp và chi trả tiền bồi thường được thực

hiện theo quy trình đề xuất từ cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại lên cơ quan tài chính có thẩm quyền hoặc lên chủ quản cấp trên (nếu có) trước khi chuyển sang cơ quan tài chính có thẩm quyền - trong quy trình này, cơ quan tài chính hoặc cơ quan chủ quản cấp trên sẽ thực hiện việc kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ giải quyết bồi thường.

Thứ bảy, về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ.

Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn đã quy định một cách toàn diện về nghĩa vụ hoàn trả, căn cứ xác định mức hoàn trả, trình tự, thủ tục quyết định việc hoàn trả, thực hiện việc hoàn trả của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại. Theo đó, người thi hành công vụ có lỗi gây ra thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan có trách nhiệm bồi thường. Mức hoàn trả được lượng hóa mức tối đa - mức trần - đối với các trường hợp lỗi tương ứng.

Thứ tám, về quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn quy định quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo hướng “phân tán”, theo đó, không có một cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong cả 03 lĩnh vực quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án.

Sự ra đời của Luật TNBTCNN năm 2009 là một bước tiến lớn trong tiến trình lập pháp về bảo đảm quyền được Nhà nước bồi thường do người thi hành công vụ gây ra. Qua thực tiễn thi hành cho thấy, Luật đã tác động mạnh mẽ, tạo nên sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức pháp luật cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời, thúc đẩy việc giải quyết bồi thường đối với các trường hợp bị thiệt hại phức tạp, kéo dài phát sinh mà trước đây chưa giải quyết được.

3. Có thể nói, trong giai đoạn hơn 6 năm thi hành, Luật TNBTCNN năm 2009 đã đi vào cuộc sống và cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra, hoàn thành được vai trò, sứ mệnh của mình¹.

Tuy nhiên, với những thay đổi lớn về mọi mặt của tình hình đất nước, đặc biệt là những yêu cầu bảo đảm, bảo vệ quyền con người, về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế cũng như sự phát triển của hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp, cải cách hành chính đã làm cho Luật TNBTCNN năm 2009 bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và thiệt hại được bồi thường chưa được cập nhật nên không đầy đủ, thiếu đồng bộ với những thay đổi trong quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân và các quy định trong các bộ luật, luật mới ban hành để triển khai thi hành Hiến pháp năm

2013. Luật TNBTCNN năm 2009 quy định chưa rõ ràng việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong nhiều tình huống nên đã gây khó khăn cho việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường cũng như trong việc thực hiện yêu cầu bồi thường, dẫn tới hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm giải quyết bồi thường. Trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại còn nhiều vấn đề chưa được quy định cụ thể dẫn tới việc hoàn trả của người thi hành công vụ còn bị xem nhẹ và chưa được thực hiện thống nhất. Thực tế này dẫn đến việc chưa bảo đảm tính răn đe, chưa nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường chưa chặt chẽ; thủ tục hành chính còn rườm rà, thời hạn giải quyết kéo dài, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người bị thiệt hại cũng như cơ quan có trách nhiệm giải quyết bồi thường; việc hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết bồi thường chưa được quy định dẫn đến lúng túng trong giải quyết bồi thường. Một số vụ việc người bị thiệt hại không hợp tác, không tham gia thương lượng nhưng không có cơ chế để xử lý và giải quyết dứt điểm. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm của cơ quan gây thiệt hại trong việc xin lỗi, cải chính công khai, đăng báo chưa được quy định cụ thể nên việc xin lỗi, cải chính công khai và đăng báo chưa thống nhất, còn hình thức. Quy định

về trình tự, thủ tục kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị bồi thường để cấp kinh phí bồi thường còn phức tạp, phải qua nhiều cấp có thẩm quyền thẩm định ngay cả khi đã thống nhất về khoản tiền bồi thường nên đã làm chậm việc chi trả tiền bồi thường, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại và uy tín của Nhà nước. Thực tế, chưa có vụ việc nào cấp kinh phí bồi thường, chi trả tiền bồi thường đúng thời hạn².

4. Để giải quyết những tồn tại, hạn chế của Luật TNBTCNN năm 2009, Bộ Tư pháp đã tham mưu, giúp Chính phủ xây dựng dự án Luật TNBTCNN (sửa đổi) trình cơ quan có thẩm quyền xem xét.

Ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã chính thức được Quốc hội thông qua, với 92,46 % số phiếu tán thành (tổng số đại biểu có mặt tại Hội trường là 93,26%). Luật TNBTCNN năm 2017 có hiệu lực từ 01/7/2018. Việc ban hành Luật TNBTCNN năm 2017 có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi đây là một bước hoàn thiện về mặt thể chế điều chỉnh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, tiếp tục cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, đồng thời, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước đối với việc củng cố, hoàn thiện hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, nền công vụ cũng như trách nhiệm của Nhà nước trước

công dân. Luật TNBTCNN năm 2017 đã sửa đổi, bổ sung toàn diện các nội dung của Luật TNBTCNN năm 2009, bảo đảm hơn tính đồng bộ, thống nhất với các Bộ luật, Luật mới ban hành, có kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật TNBTCNN năm 2009, khắc phục những tồn tại, hạn chế, bắt cập từ thực tiễn thi hành Luật năm 2009, qua đó, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013. So với Luật TNBTCNN năm 2009, Luật TNBTCNN (sửa đổi) có những điểm mới cơ bản sau đây:

4.1. Về cơ cấu, bố cục của Luật TNBTCNN năm 2017

Luật TNBTCNN năm 2017 có 9 Chương và 78 Điều, cụ thể: Chương I - Những quy định chung; Chương II - Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Chương III - Thiệt hại được bồi thường; Chương IV - Cơ quan giải quyết bồi thường; Chương V - Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường; Chương VI - Kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả; Chương VII - Trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ; Chương VIII - Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước và Chương IX - Điều khoản thi hành.

4.2. Những điểm mới cơ bản của Luật TNBTCNN năm 2017

(1) *Bổ sung quy định về nguyên tắc bồi thường của Nhà nước.*

Luật TNBTCNN năm 2017 đã bổ sung một Điều mới (Điều 4) quy định về vấn đề nguyên tắc bồi thường của



Đồng chí Nguyễn Văn Bốn, Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19.

Nhà nước, theo đó, quy định những vấn đề có tính chất xuyên suốt trong nội dung của Luật, cụ thể: (1) xác định khuôn khổ pháp lý điều chỉnh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là khuôn khổ pháp lý riêng - Luật TNBTCNN; (2) quy định các yêu cầu cụ thể đối với việc giải quyết bồi thường; (3) quy định rõ các cơ chế giải quyết bồi thường; (4) xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người bị thiệt hại cũng có lỗi trong việc gây ra thiệt hại.

(2) Mở rộng phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Về cơ bản, Luật TNBTCNN năm 2017 đã kế thừa và sửa đổi các quy định của Luật TNBTCNN năm 2009, bổ sung phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong các hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng hình sự, tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính, thi hành án hình sự để bảo đảm đồng bộ, thống nhất

với quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

(3) Quy định cụ thể hơn văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường.

Luật TNBTCNN năm 2017 sửa đổi toàn diện quy định về văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo hướng “luật hóa” các quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trước đây.

(4) Bổ sung nhiều loại thiệt hại được bồi thường, tăng mức bồi thường thiệt hại về tinh thần, lượng hóa một số loại thiệt hại được bồi thường.

So với Luật TNBTCNN năm 2009, Luật TNBTCNN năm 2017 đã bổ sung quy định về nguyên tắc xác định thiệt hại; quy định bổ sung nhiều loại

thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (Điều 23); sửa đổi toàn diện các quy định về thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (Điều 24), thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết (Điều 25) và thiệt hại về vật chất do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 26) theo hướng quy định cụ thể hơn và lượng hóa một số thiệt hại được bồi thường; sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định về thiệt hại về tinh thần (Điều 27); bổ sung quy định về thiệt hại là chi phí khác được bồi thường (Điều 28); sửa đổi quy định về khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác đối với người bị thiệt hại (Điều 29); sửa đổi quy định về trả lại tài sản (Điều 30) theo hướng dẫn chiếu áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về thi hành án dân sự, pháp luật về tố tụng và pháp luật khác có liên quan; bổ sung đối tượng được phục hồi danh dự là: (1) công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật; (2) người bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trái pháp luật (Điều 31).

(5) Sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định về cơ quan giải quyết bồi thường.

Quy định về cơ quan giải quyết bồi thường được sửa đổi, bổ sung theo hướng giữ quy định cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, đồng thời bổ sung quy định cơ quan giải quyết bồi thường là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự hoặc vụ

án dân sự hoặc vụ án hành chính cho phù hợp với các cơ chế giải quyết bồi thường quy định tại Điều 4 (từ Điều 33 đến Điều 40).

(6) Sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định về thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường.

Đối với thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, những nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu bao gồm: rút ngắn thời hạn giải quyết bồi thường trong mọi giai đoạn (tổng thời gian rút ngắn từ 95 ngày - 125 ngày xuống còn từ 41 ngày - 71 ngày); sửa đổi, bổ sung các quy định về hồ sơ yêu cầu bồi thường, cách thức tiếp nhận, xử lý hồ sơ yêu cầu bồi thường, quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình giải quyết bồi thường; bổ sung trách nhiệm tham gia xác minh thiệt hại và tham gia thương lượng của một số cơ quan nhà nước, nhất là cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; bổ sung quy định về: hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường, hoãn giải quyết yêu cầu bồi thường, tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường, đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường và hậu quả pháp lý của các trường hợp nêu trên.

Đối với thủ tục giải quyết bồi thường tại Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự, Luật TNBTCNN năm 2017 đã sửa đổi toàn diện các quy định về quyền khởi kiện và thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại Tòa án (Điều 52), theo

đó, quy định cụ thể hơn các trường hợp được khởi kiện cũng như thời hạn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện tương ứng với từng trường hợp: i) khởi kiện ngay ra Tòa án sau khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; ii) khởi kiện ra Tòa án sau khi rút đơn tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ; iii) khởi kiện ra Tòa án trong trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết bồi thường hoặc hết thời hạn mà cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ không ra quyết định hoặc thương lượng không thành.

Đối với thủ tục giải quyết bồi thường tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, Luật TNBTCNN năm 2017 đã bổ sung 01 Điều mới quy định về giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính tại Tòa án (Điều 55). Điều 55 Luật TNBTCNN quy định việc giải quyết bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính theo hướng: i) dẫn chiếu áp dụng pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng hành chính khi giải quyết yêu cầu bồi thường (khoản 1); ii) quy định một số đặc thù nếu kết hợp giải quyết bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính tại Tòa án (khoản 2 và khoản 3).

Đối với vấn đề phục hồi danh dự, Luật đã quy định việc chủ động phục hồi danh dự thay cho việc phục hồi danh dự theo yêu cầu như trước đây,

quy định rõ các hình thức phục hồi danh dự tương ứng với từng đối tượng được bồi thường.

(7) Sửa đổi trách nhiệm lập dự toán, quyết toán kinh phí và thủ tục chi trả.

Luật TNBTCNN năm 2017 sửa đổi toàn diện các quy định về kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả, trong đó: quy định trách nhiệm lập dự toán kinh phí bồi thường cho Bộ Tài chính và Sở Tài chính; cơ quan có trách nhiệm bồi thường gửi hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường tới thẳng cơ quan tài chính có thẩm quyền thay vì phải gửi lên cơ quan quản lý cấp trên như trước đây; bổ sung quyền hạn của cơ quan tài chính có thẩm quyền kiến nghị xem xét lại hoặc phối hợp hoàn thiện hồ sơ nếu không đồng ý với mức bồi thường hoặc nếu cho rằng hồ sơ không đáp ứng yêu cầu và bổ sung quy định về sung quỹ nhà nước nếu người yêu cầu bồi thường không nhận tiền bồi thường trong thời hạn luật định.

(8) Quy định tăng mức hoàn trả của người thi hành công vụ, sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định về mức hoàn trả, trình tự, thủ tục xác định trách nhiệm hoàn trả.

(9) Quy định thống nhất quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

Nội dung sửa đổi lớn nhất trong Luật TNBTCNN năm 2017 là quy định thống nhất quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong cả ba lĩnh vực quản lý hành chính, tố tụng và

thi hành án. Cơ quan thống nhất quản lý nhà nước là Chính phủ và Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ này. Việc sửa đổi quy định quản lý nhà nước về công tác bồi thường là trên cơ sở quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, theo đó quy định Chính phủ “thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án” (khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015).

Có thể nói, đến nay, với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy và chính quyền các cấp, công tác bồi thường nhà nước nói chung đã đi vào nền nếp, pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã thực sự đi vào cuộc sống và trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu để các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Hơn 10 năm thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, đã có 478 vụ việc được thụ lý, giải quyết, trong đó đã giải quyết xong 421 vụ việc, với tổng số tiền nhà nước phải bồi thường là trên 225 tỷ đồng³. So sánh với con số 300 vụ việc và số tiền bồi thường khoảng 18 tỷ đồng trong giai đoạn 10 năm trước khi có Luật cho thấy đã bảo đảm tốt hơn quyền được bồi thường của người dân, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước trước công dân, nhiều vụ việc phức tạp còn tồn đọng trước đây thì sau khi có Luật đã được giải quyết dứt điểm, góp phần củng cố niềm tin của người dân với Đảng, Nhà nước,

điển hình như các vụ việc Lương Ngọc Phi (ở Thái Bình); Huỳnh Thị Nga và Võ Văn Học (ở Quảng Ngãi); Nguyễn Thanh Chấn (ở Bắc Giang); Huỳnh Văn Nén (ở Bình Thuận); Nguyễn Ngọc Anh (ở Ninh Thuận); Nguyễn Văn Dũng và 06 người bị oan (ở Tây Ninh)...

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định: “...hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”. Thực hiện chỉ đạo nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu để tham mưu hoàn thiện pháp luật, cơ chế tổ chức thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cần phải tiếp tục được thực hiện để qua đó, góp phần vào kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nói chung, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.■

Tài liệu trích dẫn

(1) Chính phủ, *Tờ trình số 336/TTr-CP ngày 23/9/2016 trình Quốc hội dự án Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi)*, trang 1.

(2) Chính phủ, *Tờ trình số 336/TTr-CP*, đd, trang 2-3.

(3) Nguồn: Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp.